

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/HS-ST

Ngày 15 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phi Long

Thẩm phán: Ông Trương Quyết Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Chung;

Ông Quảng Văn Chính;

Ông Nguyễn Xuân Lập.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Khánh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 28/2025/TLST-HS ngày 17/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HS ngày 26/6/2025 đối với bị cáo:

1. Bị cáo: NGUYỄN THỊ H; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970 tại: thành phố Hải Phòng; Nơi cư trú: Số 55A/262 H, tổ dân phố số 2, phường N, quận H, thành phố Hải Phòng (Nay là phường H, thành phố Hải Phòng); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 05/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu V và bà Đặng Thị C (đều đã chết); Bị cáo có chồng là Nguyễn Văn C (đã chết) và 04 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1996; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/01/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thiên H - Luật sư Công ty luật hợp danh T, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai. Có mặt.

2. Người bị hại:

- Chị Lương Tuyết N, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số nhà 045, đường H, tổ 27, phường C, thành phố Lào Cai nay là (phường L, tỉnh Lào Cai). Có mặt.
- Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số 563 T, tổ 3, phường D, thành phố L nay là (phường L, tỉnh Lào Cai). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2016, Nguyễn Thị H cùng ông Nguyễn Văn N thuê đất để kinh doanh và làm trang trại chăn nuôi tại tổ 08, phường D, thành phố L (Nay là phường L), tỉnh Lào Cai. Quá trình kinh doanh và chăn nuôi do gặp dịch bệnh nên việc làm ăn gặp nhiều khó khăn. Tính đến tháng 9/2023, H còn nợ tổng số tiền là 9.345.740.000 đồng của 10 người gồm: Bà Vũ Thị Minh H số tiền 1.188.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị S số tiền 600.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị H số tiền 2.800.000.000 đồng; Ông Phạm Quang T số tiền 1.070.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Q số tiền 380.000.000 đồng; Bà Phạm Thị L số tiền 1.267.740.000 đồng; Bà Khổng Thị Thu H số tiền 1.000.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị L số tiền 800.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị S số tiền 220.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị C số tiền 20.000.000 đồng. Đến tháng 7/2023, do việc làm ăn kinh doanh bị thua lỗ, H không còn khả năng thanh toán tiền cho những người mà H đã vay nợ tiền trước đó nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác để lấy tiền trả nợ, cụ thể:

Đối với chị Lương Tuyết N: Do H và chị Lương Tuyết N có quan hệ quen biết nhiều năm. Đầu tháng 7/2023, H hỏi vay tiền của chị N để nhập hàng, đồng thời nói sẽ trả N tiền lợi nhuận theo tỷ lệ 150 triệu đồng tiền gốc trong thời gian 10 ngày sẽ trả cho N 7 triệu đồng. Do tin tưởng, nên từ ngày 11/7/2023 đến ngày 21/7/2023, chị N cho H vay nhiều lần với tổng số tiền là 1.080.000.000 đồng được chuyển vào nhiều tài khoản khác nhau cụ thể: H bảo chị N chuyển vào các tài khoản ngân hàng Vietinbank số 100889006666 mang tên Nguyễn Thị Quyên số tiền 540.000.000 đồng; tài khoản Vietinbank số 105000699366 mang tên Trần Thị Hằng (con gái Vũ Thị Minh H) số tiền 150.000.000 đồng; tài khoản ngân hàng Vietcombank số 0951004206930 mang tên Đào Xuân Quang số tiền 340.000.000 đồng; tài khoản ngân hàng Agribank số 22122005256861 mang tên Khuất Thị H số tiền 20.000.000 đồng; tài khoản ngân hàng MB số 0972400219 mang tên Nguyễn Thị L số tiền 30.000.000 đồng, đồng thời bảo N ghi rõ nội dung chuyển khoản “chuyển tiền mục khô cho chị H, chuyển tiền tôm mực đám cưới cho chị H, chuyển tiền hàng cho chị H, chuyển tiền tôm chả cá cho chị H, chuyển tiền gà ác cho chị H, chuyển tiền cua ghe cho chị H chuyển tiền hàng biển đám cưới cho chị H” nhưng thực tế là dùng số tiền vay của chị N để chuyển trả tiền H đã vay của những người trước đây, không có việc mua bán hàng hải sản như H nói với chị N.

Đối với anh Đỗ Văn D: Nguyễn Thị H và anh Đỗ Văn D quen biết nhau từ năm 2016. Cùng với thủ đoạn lừa đảo như đối với chị Lương Tuyết N, H nói dối về việc làm ăn kinh doanh và hứa hẹn sẽ trả tiền lợi nhuận đầu tư cho anh D. Do tin tưởng nên từ ngày 17/7/2023 đến ngày 14/9/2023 anh D đã cho H vay tổng số tiền là 2.999.000.000 đồng. H bảo anh D chuyển đến các tài khoản do H chỉ định gồm: tài khoản ngân hàng Agribank số 22122005256861 mang tên Khuất Thị Hải số tiền 470.000.000 đồng; tài khoản ngân hàng BIDV số 45110000974227 mang tên Nguyễn Quốc Phong số tiền 159.000.000 đồng; tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1035181920 mang tên Lương Tuyết N số tiền 230.000.000 đồng; tài khoản ngân hàng Vietinbank số 103871083347 mang tên Nguyễn Thị T số tiền 150.000.000 đồng; tài khoản ngân hàng MB số 0787067614 mang tên Nguyễn Văn N số tiền 1.990.000.000 đồng (tài khoản này do H sử dụng sau đó chuyển khoản đi cho nhiều người khác để trả nợ), đồng thời H bảo anh D ghi nội dung chuyển khoản để trả tiền hàng tương tự như yêu cầu chị Lương Tuyết N chuyển cho H vay nhưng thực tế không có việc buôn bán, cung cấp hàng hải sản, gà, tim cho những người trên mà chuyển tiền để trả tiền vay trước đó.

Đối với số tiền vay này, H đã trả được cho anh D 1.975.000.000 đồng, còn nợ lại 1.024.000.000 đồng. Ngày 24/9/2023, H đã cùng Nguyễn Văn N bỏ đi khỏi địa phương. Ngày 08/01/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai triệu tập làm việc, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 32/CT-VKST-P2 ngày 16/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung vụ án đã được nêu ở trên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai giữ quyền công tố tại phiên tòa phát biểu lời luận tội và tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 13 đến 15 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả số tiền đã chiếm đoạt của những người bị hại.

Về vật chứng, án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đồng nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về điểm, khoản, điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị

Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, trình độ văn hóa cũng như nhận thức pháp luật hạn chế của bị cáo để xét xử bị cáo mức án 12 năm tù.

Người bị hại: Anh Đỗ Văn D, đồng ý với quan điểm của người bào chữa; chị Lương Tuyết N đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo, bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở để kết luận, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2023, mặc dù bản thân bị cáo Nguyễn Thị H đã vay nợ tiền của nhiều người và mất khả năng thanh toán, xong bị cáo vẫn lợi dụng mối quan hệ quen biết, sử dụng thủ đoạn gian dối, đưa ra thông tin không có thật về việc đầu tư, kinh doanh của bản thân nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Bị cáo yêu cầu các bị hại chuyển tiền đến nhiều tài khoản khác nhau do bị cáo chỉ định, ghi nội dung chuyển khoản thể hiện việc giao dịch mua bán hàng hóa, thực phẩm, tạo lòng tin nhằm che giấu mục đích chiếm đoạt. Trên thực tế, bị cáo không sử dụng số tiền vay được để phục vụ hoạt động kinh doanh như đã cam kết mà dùng để thanh toán nợ cho những người vay trước hoặc chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của hai người bị hại là 2.104.000.000 đồng, trong đó số tiền chiếm đoạt của bị hại Lương Tuyết N là 1.080.000.000 đồng, của bị hại Đỗ Văn D là 1.024.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*”.

Cáo trạng số 32/CT-VKST-P2 ngày 16/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, hiểu biết pháp luật, nhưng do làm ăn thua lỗ và không còn khả năng thanh toán nên đề có tiền trả nợ, bị cáo đã cố ý dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của anh D và chị N để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử, xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ, phải lao động, học tập để trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Chị Lương Tuyết N yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho chị số tiền 1.080.000.000 đồng, anh Đỗ Văn D yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho anh số tiền 1.024.000.000 đồng. Xét thấy yêu cầu của những người bị hại là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về vật chứng vụ án:

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y72 màu xám đen, số IMEI 1: 863206057653676; IMEI 2: 863206057653667 bên trong lắp 01 sim, điện thoại cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) két sắt hiệu Việt Tiệp, cỡ 68, vỏ ngoài bằng kim loại màu ghi xanh, khóa điện tử có phím bấm bằng số là vật chứng của vụ án nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) sim điện thoại Mobifone có dãy số 8401191112211161 là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 14 (mười bốn) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày tạm giữ bị cáo ngày 13/01/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585 của Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo phải hoàn trả cho chị Lương Tuyết N số tiền 1.080.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm tám mươi triệu đồng*), anh Đỗ Văn D số tiền 1.024.000.000 đồng (*Một tỷ, không trăm hai mươi tư triệu đồng*).

3. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y72 màu xám đen, số IMEI 1: 863206057653676; IMEI 2: 863206057653667 bên trong lắp 01 sim, điện thoại cũ, đã qua sử dụng; 01 (một) kết sắt hiệu Việt Tiệp, cỡ 68, vỏ ngoài bằng kim loại màu ghi xanh, khóa điện tử có phím bấm bằng số.

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) sim điện thoại Mobifone có dãy số 8401191112211161.

(Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng số 44 ngày 16/6/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lào Cai và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 74.080.000 đồng (*Bảy mươi tư triệu, không trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị cáo, người bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND tối cao;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- Cơ quan CSĐT CAT;
- Cơ quan THAHS CAT;
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Trại tạm giam số 1 Lào Cai;
- Phòng PV06 CAT;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- THA Tòa án;
- Lưu VP; Hồ sơ.

Đặng Phi Long